



DOI:10.22144/ctu.jvn.2023.079

NGƯỜI KỂ CHUYỆN TRONG TIỂU THUYẾT NGUYỄN NGỌC TƯ - TỪ GÓC NHÌN TỰ SỰ HỌC

Trần Minh Thư và Bùi Thanh Thảo*

Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Bùi Thanh Thảo (email: btthao@ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 19/09/2022

Ngày nhận bài sửa: 03/01/2023

Ngày duyệt đăng: 11/01/2023

Title:

The narrator in Nguyen Ngoc Tu's novel

Từ khóa:

Nguyễn Ngọc Tư, người kể chuyện, tiểu thuyết

Keywords:

Nguyen Ngoc Tu, narrator, novel

ABSTRACT

The article is to analyze the narrator in Nguyen Ngoc Tu's novel (consist of: *Song and Bien su nuoc*). Studying Nguyen Ngoc Tu's novel by narratology, the narrator is one of the important problems that show her renovation in creation method. The narrator in Nguyen Ngoc Tu's novel with role and function contributes to create attraction and value of works.

TÓM TẮT

Bài viết khai thác vấn đề người kể chuyện trong tiểu thuyết Nguyễn Ngọc Tư (cụ thể qua hai tiểu thuyết: *Sông và Biên sử nước*). Tìm hiểu tiểu thuyết Nguyễn Ngọc Tư từ góc nhìn tự sự học, người kể chuyện là một trong những vấn đề trọng tâm thể hiện được những đổi mới trong cách viết của tác giả. Sự đổi mới này đã góp phần tạo nên sức hấp dẫn và giá trị của tác phẩm.

1. GIỚI THIỆU

Nguyễn Ngọc Tư là một gương mặt quen thuộc đối với bạn đọc yêu mến văn học Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng, văn học đương đại nói chung. Hai tiểu thuyết *Sông* và *Biên sử nước* đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư. Thế giới nghệ thuật độc đáo của nhà văn trong hai quyển tiểu thuyết dẫn dắt bạn đọc đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác. Chính vì vậy, việc khai thác tác phẩm từ góc độ tự sự học sẽ mang đến những khám phá mới mẻ bằng phương pháp khoa học hiệu quả. Người kể chuyện là một trong những trọng điểm của lí thuyết tự sự hiện đại. Người kể chuyện là một nhân vật văn học được tác giả xây dựng để dẫn dắt người đọc bước vào câu chuyện. Có rất nhiều định nghĩa về người kể chuyện. Ở đây, chúng tôi sử dụng khái niệm người trần thuật theo định nghĩa của Tamarchenco: “*Người kể chuyện là chủ thể lời nói và là người đại diện cho điểm nhìn trong tác phẩm văn học... Người kể chuyện được*

khách quan hóa và được tách biệt rõ rệt với tác giả cả về mặt không gian, lẫn bình diện tu từ mà cụ thể nó được gắn với một hoàn cảnh văn hóa – xã hội và ngôn ngữ cụ thể để từ vị thế ấy nó mô tả các nhân vật khác” (Sử, 2018, tr.111). Như vậy, người kể chuyện trong văn bản vừa có tiếng nói, vừa có cái nhìn.

Người kể chuyện có vai trò quan trọng, như nhà nghiên cứu Thụy Sĩ Ryan khẳng định: “*Sự có mặt của người trần thuật là điều nhất thiết phải có trong bất cứ văn bản nào*” (Sử, 2018, tr.118). Trong tác phẩm, người kể chuyện thực hiện 4 chức năng: chức năng kĩ thuật (bao gồm kể, tả và mở, kết), chức năng giao tiếp, chức năng nghệ thuật và chức năng quy thuộc.

Khi khảo sát đặc điểm của người kể chuyện, chúng ta cũng sẽ thấy tính tin cậy và không tin cậy của tự sự, sự can dự của người kể chuyện và khoảng cách của người kể chuyện trong tác phẩm.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Dựa vào tính chất tự sự, người kể chuyện trong tiểu thuyết của Nguyễn Ngọc Tư được xác định là người kể chuyện đồng sự và người kể chuyện dị sự. Trong đó, ở tác phẩm *Biên sử nước*, người kể chuyện đồng sự là chính, vì ở mỗi chương, từng nhân vật kể câu chuyện của mình. Còn ở tác phẩm *Sông*, người kể chuyện dị sự là chính, bởi ở đó, người kể chuyện kể theo ngôi thứ ba, kể chủ yếu từ điểm nhìn của nhân vật Ân.

2.1. Người kể chuyện đồng sự

“Người kể chuyện đồng sự (homodiegetic) là người kể chuyện mình như là một nhân vật của truyện, có tham gia hay trực tiếp chứng kiến sự việc” (Sử, 2018, tr.123). Hình tượng người kể chuyện trong tiểu thuyết *Biên sử nước* là người kể chuyện đồng sự. Mỗi chương là lời kể của một nhân vật có tham gia trực tiếp, liên quan đến câu chuyện. Họ đang kể chuyện mình chứng kiến, tham gia, kể lại những trải nghiệm, sự kiện của bản thân. Ngoại trừ chương đầu và chương cuối khó xác định là lời kể của một nhân vật cụ thể hay đám đông thì tất cả những chương còn lại đều có người kể chuyện là nhân vật có tham gia hoặc chứng kiến sự việc.

Nội dung của *Biên sử nước* là hành trình dài đi tìm câu trả lời cho một bí ẩn lớn: Người đàn bà nào đã lấy trái tim Đức Ngải? Các chương của tiểu thuyết kể về những câu chuyện khác nhau, rời rạc nhưng lại có những mắt xích chặt chẽ giúp cho câu chuyện hướng đến một điểm chung. Mỗi người kể chuyện xưng “tôi” ở các chương đều dẫn dắt người đọc vào một câu chuyện khác nhau, một hướng xác định riêng để trả lời câu hỏi lớn: Ai là người đàn bà đã làm sụp đổ một đế chế cù lao? Chính cách xây dựng hình tượng người kể chuyện đồng sự của tác giả đã khiến cho mỗi chương đều mở ra một con đường, một câu trả lời có phần đáng tin. Thế nhưng, nếu xâu chuỗi toàn bộ câu chuyện thì tất cả những người kể chuyện đều không thể đưa ra một đáp án chính xác và thống nhất.

Dấu ấn của người kể chuyện dị sự vẫn tồn tại trong tiểu thuyết *Biên sử nước* ở chương đầu tiên và chương cuối cùng. Tuy nhiên, chính việc tập trung xây dựng nhân vật người kể chuyện đồng sự ở các chương khác đã tạo nên một sức hút trong tác phẩm. Người kể chuyện của chương 2 tiểu thuyết *Biên sử nước* xưng “ta” – Đức Ngải – cũng chính là nhân vật Phú. Phú dẫn dắt người đọc đặt chân vào vùng cù lao chìm trong nước: “*Không còn gì ở đó. Chiếm đóng sân lễ là nước, và bóng tối. Thử bóng tối đặc, ắn ngập vào sinh nhão bên dưới mặt nước. Lốp đất*

cứng đã bị lấy đi” (Tư, 2020, tr.9). Người kể chuyện đã miêu tả rất kỹ về những gì anh ta nhìn thấy, cảm nhận được ở nơi này. Người kể chuyện không giới thiệu trực tiếp nhưng chúng ta có thể xác định được với những suy tư và trần trụi: “*Một ngàn năm, họ vẫn quỳ trước mình? Không nhớ gương mặt của người đem buồng phổi đi. Nhưng ông già đã thỉnh đôi mắt ta thì khó quên*” hay “*Nó định làm gì với đôi dao giấu trong mắt? Sau bao lâu rồi, ánh dao không gì sét chút nào? Một ngàn năm nữa, Báo vẫn quỳ trước mình, với con dao đó?*” (Tư, 2020, tr.12). Có thể thấy, người kể chuyện ở chương “*những thờ dài mang vị muối*” đã gọi ra cho người đọc những tưởng tượng vừa mơ hồ, vừa cụ thể (với những chi tiết về mùi hương, bóng tối, ánh sáng) đồng thời hình dung được hình tượng nhân vật Đức Ngải được nhắc đến ở chương đầu tiên. Ở đây, người kể chuyện đồng sự đã thể hiện được hết những vai trò cơ bản của mình, đặc biệt là sự dẫn dắt người đọc bước vào thế giới nghệ thuật của tác phẩm.

Đến đây, chắc hẳn độc giả sẽ mong chờ diễn biến tiếp theo để biết thêm thông tin, hiểu rõ hơn người kể chuyện. Từ đó, có thể nắm bắt được câu chuyện. Tuy nhiên, không có điều mà độc giả mong chờ. Chúng ta sẽ phải bất ngờ bởi sự xuất hiện của một người kể hoàn toàn khác, là một nhân vật cũng tham gia vào câu chuyện. Người kể chuyện lúc này là nữ nhà báo Phúc Dương. Một nhân vật mở ra rất nhiều hướng cho câu hỏi cốt yếu của tác phẩm. Và ngay chính bản thân cô cũng từng bị nghi là một trong số những người phụ nữ có thể đã đến xứ cù lao ấy. Người kể chuyện tường thuật câu chuyện bằng một hình thức khá đặc biệt, lồng ghép phóng sự của mình “*Theo dấu người đàn bà kết thúc một đế chế*” với lời hứa hẹn “*còn nữa*”. Phúc Dương cho rằng người đàn bà chính là Phúc Mắt bò – người bạn cấp 2 – đã tìm mọi phương cách để tìm được nụ cười cho đứa con.

Trong khi độc giả háo hức chờ đợi những sự thật được trình bày thì lại xuất hiện một người kể chuyện mới với những lời kể của một người “*công những bí mật của cù lao*”, là “*nhân chứng cuối cùng và duy nhất, của một màn lừa đảo kinh thiên động địa*” (Tư, 2020, tr.43). Từ những hồi ức về tuổi thơ của các nhân vật Báo, Phú, Cô Long đến sự hình thành, phát triển và sụp đổ của cù lao Lê, chúng ta nhận diện được người kể chuyện ở đây là một bà già 80 tuổi, được gọi là sự mẫu của những đứa trẻ mồ côi xóm giang hồ. Người kể chuyện đã cung cấp những thông tin quan trọng nhất tạo được sự liên kết cũng như đi sâu vào thế giới nhân vật ở các chương trước, đặc biệt là chương 2.

Tiếp theo, người đọc còn bắt gặp một người kể chuyện khác, cũng xưng “tôi” với đặc điểm nổi bật là đôi chân chậm phây. Nhân vật có nhiệm vụ đi tìm chị Tuy, người đã bỏ quên cái vôi nước làm ngập lụt xóm làng chợ Cũ. Hành trình chạy lụt từ chợ Cũ đến đồi Tro, rồi được cử đi Vạn Thủy tìm chị Tuy đã khiến anh ta tin chị Tuy chính là người đàn bà đi lấy trái tim Đức Ngài để chữa bệnh cho đứa con chảy nước: “*Chị sẽ về khi hái xong trái tim của cha nội nào đó, tôi tin vậy*” (Tur, 2020, tr.60)

Diễn biến của truyện còn được thể hiện qua lời kể của em chị Thu “*Giữa tháng Bảy, tôi nghe nói chị Thu tới miệt Vạn Thủy lấy trái tim của người cầm đầu một tà giáo nào đó*” (Tur, 2020, tr.63) khi nhận được tin của một người làm việc cho tờ tin Nhiệt Đới. Người kể chuyện chỉ dựa vào những ký ức còn sót lại cùng thước phim ngắn vô tình được camera của cửa hàng tiện lợi ghi lại để hình dung nguyên nhân, lí do tại sao chị của mình lại đi về miệt Vạn Thủy với hàng loạt nghi hoặc: “*Tự hỏi chị Thu có từng cảm thấy vậy không, khi cậu trai trẻ chỉ cách một con đường?*”, “*Chị muốn làm kén cho ai?*”, “*Chị nói tiếng người hay tiếng gián?*” (Tur, 2020, tr.76).

Khi rất nhiều câu hỏi, thắc mắc được đặt ra thì chúng ta lại được nghe một câu chuyện khác của một người kể xa lạ, một phạm nhân trốn ngục kể về hành trình chạy thoát của anh ta và những người bạn tù. Lúc bấy giờ, khi đã sống trên một am núi, nghe nói về người đàn bà, anh ta khẳng định: “*rằng có người đàn bà mang theo đứa nhỏ vượt hàng ngàn cây số bứt trái tim Đức Ngài ở miệt cù lao về làm thuốc, tôi nghĩ ngay là chị Khùng*” (Tur, 2020, tr.90) Người kể đã hồi tưởng lại hình ảnh của một người đàn bà đau đớn, vật vã đầy khổ sở vì tiếng khóc nức nở của con mình (giống như “tiếng khóc từ trời”). Không ai có thể ngăn được tiếng khóc đó, chính tiếng khóc ám ảnh đến đáng sợ đã giày xéo người mẹ, khiến cho không ai có thể đến gần. Tiếng khóc oái oăm, kì lạ khiến người nghe phải kinh sợ và khủng hoảng. Chính vì vậy, anh ta tin rằng: “*Là chị, không ai khác. Sạch và tươm tất và tanh sữa như mọi bà mẹ trên đời, ẵm theo đứa nhỏ mềm mại như bao đứa trẻ. Chỉ khác là nó khóc, và bà mẹ nhai tóc. Mớ tóc dày và dài, giờ có khi không còn sợi nào, bởi mỗi lần đứa nhỏ khóc ngắt là chị lại bứt chúng đi, từng sợi từng sợi*” (Tur, 2020, tr.90)

Chị Tuy là người kể chuyện ở chương “*cưới bóng*”. Đó cũng chính là nhân vật đã được nhắc đến ở chương “*nước lên*”. Nếu ở chương 5, bạn đọc đã thêm cái tên chị Tuy vào danh sách những người đàn bà đến Vạn Thủy lấy trái tim Đức Ngài thì bây giờ,

nghe ngờ đó lại trở nên mơ hồ khi người kể chuyện kể về cặp vợ chồng (người đàn ông cưới bóng mình) lên đường đi tìm một đứa con chỉ bởi câu nói độc địa: “*Bóng thì để bóng, có mà ăn tìm người mới thành người*” (Tur, 2020, tr.) Tuy vậy, chính người kể chuyện – chị Tuy – cũng là người kể chuyện không đáng tin cậy khi kết thúc bằng một lời tự vấn lương tâm: “*Phải không, vì câu nói của tôi, mà chị đã tới miền cù lao Vạn Thủy?*” (Tur, 2020, tr.101).

Đến đây, bạn đọc vẫn chưa tìm được lời giải cụ thể mà tiếp tục lạc vào một không gian ảo với lời kể của một người ăn chửi vào những ngày cuối cùng của năm Ruồi thứ nhất. Anh ta biết đang trách móc bản thân vì sự ra đi của người tình là Cẩm. Anh tin Cẩm đã ẵm đứa nhỏ đến miền cù lao để tìm thứ thuốc chữa những mụn ghê kì lạ trên người con cô. “*Bữa dài loan tin có người đàn bà ôm con đi lấy tim người làm thuốc, tôi biết là Cẩm*” (Tur, 2020, tr.116).

Cuối cùng, một người kể chuyện không tên đến từ một giấc mơ kể về Mi: “*Mi chi cao hứng ghé qua cái xứ cù lao đó thôi, tin tôi đi. Đừng kỳ vọng là Mi sẽ nói nhiều về chuyện này, nếu anh gặp cậu ấy.*” (Tur, 2020, tr.117). Tuy vậy, người kể chuyện ở chương 10 lại là người phụ nữ “*không ai đánh thức*” sau một vụ tai nạn ba người chết ở ngã ba Sương. Dường như, càng về sau, nhân vật kể chuyện càng trở nên “*kì lạ*” đến mức bí ẩn, chúng ta không thể xác định đó là ai, một người có đầy đủ thông tin hoặc vài thông tin rõ ràng. Nguyễn Ngọc Tư gửi đến những người kể chuyện từ một vùng đất hư ảo, không có thật nào đó để lí giải cho câu hỏi xuyên suốt tác phẩm.

Mười một chương tiểu thuyết với nhiều người kể chuyện khác nhau xoay quanh một vấn đề lớn về người đàn bà bóng con đi lấy trái tim được đồn có thể trị bách bệnh. Mỗi người kể chuyện đều mang đến những lí lẽ, trải nghiệm khác nhau để đặt niềm tin vào những người đàn bà khác nhau và những đứa trẻ khác nhau. Những “*tôi*” khác nhau mang đến những câu chuyện khác nhau. Tuy nhiên, những mảnh ghép đó không rời rạc mà vẫn có sự liên kết, ảnh hưởng qua lại nhằm hướng đến tư tưởng chung của tiểu thuyết. Chúng ta thừa nhận rằng Nguyễn Ngọc Tư đã vô cùng mạo hiểm khi xây dựng nhiều người kể chuyện xưng “*tôi*” để kể những chuyện khác nhau. Chính sự mạo hiểm này gây khó hiểu cho người đọc nhưng lại tạo nên sự lôi cuốn cho toàn bộ tác phẩm, thôi thúc người ta đi tìm câu trả lời. Thậm chí, đến lúc đóng trang sách lại, độc giả vẫn không ngừng trăn trở đi tìm lời giải đáp.

Việc xây dựng hình tượng người kể chuyện đồng sự đã làm tăng thêm sự sinh động, tạo niềm tin cho

độc giả khi theo dõi. Bởi lẽ, là một nhân vật trong tác phẩm tự sự, người kể chuyện sẽ có sự gắn bó nhất định, trải nghiệm hoặc chứng kiến câu chuyện ở khoảng cách gần (hoặc tiêu cự gần như bằng không). Đồng thời, người kể chuyện đồng sự cũng sẽ dễ dàng bộc lộ những suy nghĩ, tình cảm một cách tuần tự, trôi chảy xuyên suốt tác phẩm cùng với mạch sự kiện.

Người kể chuyện đồng sự sẽ thể hiện được những tâm tư, tình cảm, cái nhìn chủ quan của mình trong quá trình tường thuật. Thế nhưng, chính việc xây dựng một hệ thống người kể chuyện đồng sự đa dạng, độc đáo trong *Biên sử nước* mà tác giả có thể gửi gắm nhiều thông điệp qua thế giới nhân vật của tác phẩm. Ở đó, những người kể chuyện đều thể hiện được vai trò của mình là xuất hiện, cung cấp thông tin, dẫn dắt bạn đọc. Đồng thời, hệ thống người kể chuyện có sự thay đổi và kết hợp với mục đích hoàn thành sứ mệnh của mình. Ví dụ, khi bạn đọc vẫn đang mơ hồ về nhân vật Đức Ngải (chương 2) thì người kể chuyện ở chương 4 đã cung cấp những thông tin quan trọng và khá đầy đủ về nhân vật ấy nói chung và cái nhìn bao quát cho toàn tiểu thuyết nói riêng. Phúc Dương đưa bạn đọc đến vùng quê Yên Xuyên của mình để “theo dấu” người đàn bà và xác định ra Phúc mất bò trong 117 người tên Phúc. Tuy nhiên, người kể chuyện này cũng gọi ra những người đàn bà xấu số có thể đi đến cù lao Lê như đứa em chồng của Ly hay nhân vật Trường Phúc. Chị Tuy là người kể chuyện ở chương 8 cũng chính là nhân vật chính đã được nhắc đến ở chương 5.

Tại sao càng về cuối, hình tượng người kể chuyện càng trở nên bí ẩn, khó đoán, dường như không có thật qua cách xây dựng của nhà văn? Vậy lời nói của họ có ý nghĩa như thế nào? Phải chăng, Nguyễn Ngọc Tư muốn dùng chính những lời kể tưởng chừng xa vời, khó hiểu, mơ hồ kia để vén bức màn bí mật của một trò lừa đảo. Đôi khi, chính những điều kỳ lạ, hoang đường lại có sức thuyết phục, tạo dựng nên niềm tin mù quáng cho chúng ta. Trước những nỗi sợ hãi, xấu xa, dường như con người khó có đủ lí trí và tinh táo để phân biệt và lí giải. Điều đó cũng chính là một phần hiện thực sống động của xã hội hiện đại.

Như vậy, hệ thống nhân vật “tôi” kể chuyện đã giúp cho độc giả khám phá sâu vào thế giới nhân vật, thế giới nghệ thuật của *Biên sử nước*. Nguyễn Ngọc Tư đã xây dựng một hệ thống người kể chuyện đồng sự với những đặc điểm nổi bật, độc đáo thể hiện được cái nhìn mới mẻ, ý đồ nghệ thuật cũng như sự cách tân không ngừng trong quá trình sáng tác của mình. Với cách xây dựng hình tượng người

kể chuyện trong hệ thống đa tuyến, nhà văn đã thành công trong việc lí giải chủ đề gián tiếp đề gợi ra cho bạn đọc những vấn đề nóng bỏng của đời sống thực tế. Đối với tác phẩm, việc xây dựng một hệ thống người kể chuyện như thế sẽ giúp cho tác phẩm có một đời sống riêng phong phú, phát triển quá trình giao tiếp giữa tác phẩm và độc giả. Bên cạnh đó, người kể chuyện xưng “tôi” còn góp phần thể hiện một phương diện khác của tác phẩm – tác phẩm thực sự là tiểu tự sự (theo cái nhìn của lý thuyết hậu hiện đại), quan tâm đến cái cá nhân, bất toàn, gắn với mảnh vỡ và sự lắp ghép. Điều này là sự kết hợp làm tăng tính mới mẻ cho *Biên sử nước* của Nguyễn Ngọc Tư.

2.2. Người kể chuyện dị sự

“Người kể dị sự (*heterodiegetic*) là người kể ở ngoài chuyện, kể chuyện người khác” (Sử, 2018, tr.123). Người kể chuyện dị sự có thể dựa vào điểm nhìn của một hay hai nhân vật để kể.

Trong tiểu thuyết *Sóng*, Nguyễn Ngọc Tư đã xây dựng hình tượng người kể chuyện dị sự dựa vào điểm nhìn của nhân vật Ân. Người kể chuyện dị sự sẽ không hoặc rất ít can dự vào diễn biến của câu chuyện. Cụ thể, người kể chuyện trong tiểu thuyết *Sóng* chỉ xuất hiện đúng một lần ở chương cuối cùng với câu hỏi cuối tác phẩm “*Còn cô, cũng gửi tôi xách ở đây và ra khơi?*” (Tư, 2012, tr.229). Qua đó, ta chỉ mới có thể xác định được người kể là một người phụ nữ.

Toàn bộ tác phẩm là lời kể theo ngôi thứ ba, dựa vào điểm nhìn của Ân là chủ yếu. Người kể đứng ngoài câu chuyện, ẩn mình. Việc lựa chọn người kể chuyện dị sự mang lại những ưu thế nhất định trong cách trình bày, thể hiện câu chuyện. Trước hết, người kể chuyện dị sự sẽ phản ánh câu chuyện một cách khách quan, trung tính hơn vì họ không kể câu chuyện của mình. Người kể chuyện miêu tả tất cả những nhân vật ở nhiều góc độ, thái độ khác nhau một cách vừa bao quát, vừa cụ thể, gần gũi (mượn điểm nhìn nhân vật).

Người kể chuyện như đứng ở vị trí cao hơn và uy quyền hơn. Tuy vậy, người kể chuyện dị sự sẽ khó khăn hơn trong việc bày tỏ tình cảm, cảm xúc chủ quan bởi chỉ có thể gửi gắm những điều đó thông qua nhân vật hoặc những lời nhận xét, bình luận.

Người kể chuyện dị sự với điểm nhìn của nhân vật Ân đã miêu tả được những nhân vật khác của tiểu thuyết. Mỗi nhân vật đều hiện lên với những đặc điểm riêng biệt, bằng góc nhìn tinh tế của một nhà báo trẻ, một người sống nội tâm và đã mang nhiều

tôn trọng. Ân đề ý từng cử chỉ, hành động của những người đồng hành cùng mình qua sự quan sát, cảm nhận với nhiều suy tư. Qua cái nhìn của Ân, người kể chuyện miêu tả Bối với hình ảnh: “*Bối hay liếm mép mỗi khi nói xong một câu gì đó có vẻ vẫn chương. Như những chữ đó là mật, trào ra trên môi Bối. Những năm làm việc ở nhà sách Thư Viên dường như Bối cũng đọc lờ mờ ít nhiều. Gương mặt nhỏ nhắn thanh tú đó làm cậu đôi lúc muốn chạm vào, gói nó bằng cả hai tay*” (Tur, 2012, tr.30).

Nhân vật Xu, người có vẻ bí ẩn và ít thông tin nhất trong nhóm cũng có những khoảnh khắc đặc biệt mà dường như chỉ Ân mới tinh tế phát hiện: “*Xu góp chuyện. Đó là những lúc hiếm hoi Xu tỏ ra cởi mở, nhiều chuyện (...)*Mô hôi Xu ửng lên thành hạt trong suốt giữa những sợi râu đã bắt đầu lên xanh rì. Môi Xu khá dày, luôn ướt. Anh ta hay để đầu lưỡi đỏ nằm giữa môi khi nhìn vào kính ngắm máy ảnh” (Tur, 2012, tr.45). Hay những lúc, chúng ta phát hiện ra một dáng vẻ khác của anh ấy: “*Xu tỉnh bơ xước mí. Phấn mí dính trên khóe miệng thành vệt như cái đuôi sao chổi, nom Xu lành hiền, ngái ngủ*” (Tur, 2012, tr.79). Đó là nhờ vào điểm nhìn của Ân, nhân vật trung tâm của tiểu thuyết, có hành trình gần bó, quan sát tỉ mỉ đan xen những xúc cảm riêng tư và thâm kín.

Không ít khi, Ân mơ hồ về những người đi cùng mình, nhất là sau sự biến mất của Bối, rồi sự gia nhập của ông già và cô gái có tên Bí Đỏ. Dù Ân có biết đôi nét về họ, nhưng biết một phần nhỏ về cuộc đời một người cũng giống như chẳng biết gì về họ cả. Đặc biệt, chính việc mượn điểm nhìn nhân vật Ân mà người kể chuyện có thể cung cấp những thông tin về ông lính già đã từng tham gia chiến đấu, trải qua những năm tháng gian khổ thường xuất hiện trên ti vi mỗi dịp kỷ niệm. Nếu ở đây, người kể chuyện nhìn từ góc độ của nhân vật khác, hẳn chúng ta sẽ không thể có được những “manh mối” để biết về nhân vật ông già, để thấy được hai cuộc đời, hai tính cách trong một con người: “*Cả ông già tưởng như thân phận rõ ràng hơn cả, nhưng cũng có gì đó lẫn khuất. Mỗi năm vài lần phơi mặt lên ti vi, kể chuyện chiến tranh vào những dịp kỷ niệm kết thúc chiến tranh. Cậu nhớ một lần ông nói mê mãi đến mức người dẫn chương trình phải cắt ngang, nhưng ông vẫn nói nói nói, đèn sôi bọt mép, đèn giàn giữa nước mắt*” (Tur, 2012, tr.155). Điều này tạo nên sự bất ngờ, thậm chí khó tin bởi trước đó, bạn đọc được chứng kiến một hình tượng nhân vật ông già cà rỗ, thích giễu cợt, chọc khoáy vào nỗi cô đơn của những người đàn bà lớn tuổi: “*ông già nói con người ta ai cũng có một vài mối tình, cũng như sự cô đơn cứ khoét vô chỗ đó là ăn chắc. Giữa tiếng cười em, tôi*

bỗng nghe nhói nhói nỗi cô độc. Hay em có khoác bao nhiêu áo, có che giấu thể nào thì tôi vẫn thấy sự quanh hiu” (Tur, 2012, tr.145). Chúng ta thấy được sự bản khoắn của nhân vật khi chính anh cũng ngạc nhiên và không thể ngờ được: “*Con người thẳng thớm hùng hồn thao thao kể chuyện trên ti vi và con người hay trêu ghẹo đàn bà, ăn nói tung tành bao miệng ở đây là một. Ai là con người thật của ông già?*” (Tur, 2012, tr.156). Chỉ có người kể chuyện mượn điểm nhìn của Ân mới có thể khắc họa được hình tượng nhân vật này một cách độc đáo như thế, vừa rõ nét vừa bí ẩn. Bởi lẽ, đặc biệt với đặc thù nghề nghiệp của Ân nên cậu vô tình biết được thân thế thật của ông già. Trong khi, hầu như những người trạc tuổi cậu, và kể cả lớn hơn, họ không mấy quan tâm đến những gì thuộc về quá khứ. Hơn thế nữa, họ cũng khó có khả năng tìm hiểu hay nghĩ ngợi về “nguồn gốc” của một người xa lạ ngay khi chính họ cũng đang khổ sở đi tìm “nguồn gốc” thật sự của mình.

Không chỉ thế, dường như chỉ có Ân thường lặng lẽ quan sát, tỉ mỉ theo dõi những người đồng hành cùng mình. Ngay từ đầu, Ân đã trần trụi rất nhiều về Bối. Rồi sự rời đi bí ẩn của Bối cũng không ngừng đeo bám cậu. Những thông tin mà cậu có được về Bối: “*Anh ta từng làm nhân viên nhà sách, lái taxi, quản lý nhà hàng...trước khi chuyển sang chụp ảnh chuyên nghiệp*” (Tur, 2012, tr.81). Ân thường nhớ về Bối với cái giọng “*nhuộm đầy than thò*” về một cuộc sống êm ấm nên đâm ra nhảm chán; về những giấc mơ riêng tư mà cậu cho là khiến mối quan hệ gần gũi hơn. Tuy vậy, với điểm nhìn của Ân, người kể chuyện không thể giúp bạn đọc biết hết về Bối (cũng như những nhân vật khác), giải thích được cuộc bỏ trốn giữa chừng kia. Những câu hỏi bỏ ngõ giống như hình ảnh một cuộc đời nhiều khiếm khuyết và nửa vời kia.

Bên cạnh đó, người kể chuyện miêu tả những nhân vật xuất hiện dọc sông Di với những đặc điểm nổi bật, riêng biệt qua cảm nhận của Ân khi gặp gỡ. Đó là một anh lái xe trẻ tuổi: “*Hào để tóc hơi dài, rẽ giữa, thỉnh thoảng bị tóc xấp xại che mắt mắt mà vẫn tránh chó rất tài*” (Tur, 2012, tr.47). Đó là một ông chủ ghe đã cho họ quá giang: “*Ông chủ ghe quá năm mươi, cái mũi lớn quá khổ so với những đường nét còn lại của khuôn mặt xương, tóc tụt khỏi đỉnh đầu, xối lờ lờ nói khỏi tiền bạc gì hết, tụi mày đi chung cho tao nghe có hơi người*” (Tur, 2012, tr.50).

Cũng chính người kể chuyện dự sự mượn điểm nhìn của nhân vật Ân đã kể về những nhân vật từng quen biết, làm việc với cậu bằng tâm trạng rối bời, đầy suy tư. Từng nhân vật khác xuất hiện theo dòng

suy nghĩ và trí nhớ của Ân, vừa rõ ràng nhưng cũng vừa mơ hồ: “Bùi từng quay phim chính cho hai phim ký sự của cậu, khi anh nằm chết dưới gầm xe tải cậu mới biết anh đang đơn thân nuôi con gái. Chi tiết đó có thể anh đã kể trong các cuộc nhậu cuối chiều, từng để văng vào tai cậu vài cuộc gọi giữa hai cha con, nhưng cậu không nhập tâm những thứ mà cậu nghĩ nằm ngoài mình” (Tur, 2012, tr.55) Hình ảnh một người anh đồng nghiệp từng làm việc chung xuất hiện khi Ân nhận được tin nhắn của chị Tịnh. Hai câu giới thiệu, người kể chuyện cho chúng ta biết về một ông bố đơn thân bất hạnh. Anh ta có một đứa con gái, đang cần sự giúp đỡ của Ân. Ngoài ra, chúng ta không thể biết nhiều hơn. Anh ta có hình dáng như thế nào? Anh đã bao nhiêu tuổi? Con gái anh giờ sống như thế nào? Chỉ có bấy nhiêu thông tin, bởi Ân cũng chỉ biết có thể về nhân vật. Trong lời kể đó, bạn đọc có thể thấy được sự dằn vặt vì Ân thấy mình đã hờ hững, vô tâm khi chính cậu cũng chỉ biết về những người xung quanh mình một cách thụ động “để văng vào tai”, bởi cậu từng xem họ là những người “nằm ngoài mình”.

Giống như những lời kể về chị Ánh, người phụ nữ Ân đang đi tìm: “*Cậu quen Ánh lúc đến thực tập ở Tin chiếu. Cậu đang là sinh viên năm cuối mà Ánh đã rất nổi tiếng với mấy giải báo chí của thành phố. Một đàn chị đáng nể. Cậu thường bắt gặp Ánh nán lại cơ quan cả đêm để viết. Chị hút thuốc rất dữ, sành điệu nhà khói hình trái tim, hoa hồng hay chiếc lá đa. Những bài phóng sự gai góc nhất thì ám nhiều khói thuốc nhất. (...) Cậu không biết Ánh đang cặp bồ. Mặt chị không có vẻ lấp lánh tươi rạng của một người đang yêu, tưởng chị chỉ say việc thôi*” (Tur, 2012, tr.63). Người kể chuyện cũng tiết lộ rằng Ân thực sự lo lắng vì có thể khi đứng trước mặt, cậu cũng khó mà nhận ra chị.

Hình tượng nhân vật San PP cho thấy vai trò của người kể chuyện dị sự được Nguyễn Ngọc Tư gửi gắm. Từ điểm nhìn của Ân, hình ảnh của San PP để lại những ám ảnh day dứt, giống như hình ảnh của “chị” trong ký ức Ân. Nếu ở đây, người kể chuyện đứng ở một vị trí khác, một điểm nhìn khác, có lẽ chúng ta sẽ thấy một nhân vật San PP rất khác. Nhưng, với điểm nhìn của Ân, hình ảnh chị được khắc họa rõ nét với sự đồng cảm và giàu yêu thương. Một người chị thân thiết biết những tâm sự giấu kín của Ân, một người phụ nữ với cuộc đời có vài điểm trùng lặp với mẹ cậu: “*Chị San trải đời, bạt mạng. Như mẹ cậu. Hoàn cảnh cũng hao hao giống nhau, chỉ khác mẹ cậu không có người anh trai nào ám vào ký ức*” (Tur, 2012, tr.204). Ký ức về chị là hương kẹo, tiếng gọi “ơi”, giấc ngủ và những dòng chữ: “*San thờ dài, hương kẹo dâu lẳng bẳng trên vành*

tai cậu”. Chỉ khi người kể chuyện dị sự mượn điểm nhìn của Ân mới có những đánh giá vừa mang tính khách quan (của một nhà báo), vừa mang tính chủ quan (một người em, người bạn). Ân nhìn chị San bằng sự ngưỡng mộ, cảm phục, cũng có chút gì đó chua xót: “*Sức mạnh của một người đàn bà viết nổi tiếng thân nhiên lặn ngụp giữa những khen chê. Người đàn bà lợi ngược dòng*” (Tur, 2012, tr.203).

Trong tác phẩm, học giả Mai Triều hiện lên với một cuộc đời lồi thối, nhiều bề bối nên hình ảnh ông được miêu tả với những từ ngữ “*Nhếch nhác. Buông thả. Sống vô độ. Ham chơi quên trời đất*” (Tur, 2012, tr.160). Nhưng bởi người kể chuyện mượn điểm nhìn của Ân nên vẫn phát hiện được sự kiêu ngạo, cái ngông của một cây bút tài năng. Người đàn ông đó cũng có những lúc cô đơn, bệnh tật không có gia đình bên cạnh, phải nhờ đến sự giúp đỡ của một cậu trẻ trong cơ quan. Tuy vậy, ông vẫn thẳng thừng chê bai những gì cậu viết bằng “*Giọng Hà Nam của ông sắc nhọn, có cái vị chua lè, cộng với cái nhìn nửa mắt, nói như tát nước sôi làm mặt cậu bỏng rộp*” (Tur, 2012, tr.161). Chính giọng kể đó làm cho hình ảnh nhân vật hiện lên bản chất của một người nghệ sĩ, ngông nghênh, say sưa nghệ thuật nhưng lại không thành công trong cuộc đời thật của mình. Chỉ có mượn điểm nhìn của Ân, người kể mới có góc nhìn như thế bởi cậu là người đã gắn bó, trưởng thành theo thời gian bằng sự góp ý của một người thầy trong nghề.

Người kể dị sự với điểm nhìn của nhân vật Ân giúp cho độc giả khám phá được những nhân vật đồng hành cùng cậu ở một khoảng cách gần, đủ để biết, để nghĩ nhưng cũng không dễ để hiểu, để xác định họ thực sự là ai, là người như thế nào, họ đang tìm kiếm điều gì trong chuyến đi này. Điều đó thể hiện được thông điệp của nhà văn về cuộc đời – một hành trình tìm kiếm bản ngã của mỗi con người. Đôi khi, ta nghĩ rằng mình đã hiểu hết về những người xung quanh mình. Nhưng thực tế, chúng ta lại biết quá ít về họ, hoặc gần như chẳng biết chút gì. Người kể chuyện đã gợi lên sự tò mò, mong muốn được khám phá và cuối cùng nhận ra sự giât mình khê khàng của chúng ta: “*Bằng trí tượng tượng, khả năng suy luận, cậu lơ mơ rập nói, cố vẽ chân dung cuộc đời của vài người trong nhóm qua những cuộc điện thoại của họ, dù không cố ý tò mò nhưng lỡ văng vào tai. Cậu và họ chưa tìm thấy được một sự tin cậy đúng mực để nói ra những bí mật của đời mình*” (Tur, 2012, tr.155).

Cũng có những đoạn, từ điểm nhìn của nhân vật trung tâm, người kể chuyện có thể kể về những sự kiện thông qua cái nhìn, giọng điệu của nhân vật

khác. Chẳng hạn, bạn đọc có thể biết được những câu chuyện về một đời người, một cảnh tượng, một sự kiện nổi bật nào đó trên sông Di bằng cách như thế: “*Hồi xưa sông Di chỉ lấy đi những thứ nhỏ thôi. Bà ngoại tôi chuyên bị nó lấy kim chỉ và bao lưới trùm đầu tóc mượn. Nên mắt gì thì cũng tình bơ*” (Tur, 2012, tr.33).

Người kể chuyện dị sự với điểm nhìn của nhân vật đã đảm nhiệm tốt vai trò của mình trong việc khắc họa và tái hiện lại câu chuyện. Ở khoảng cách phù hợp, lúc xa lúc gần, người kể chuyện dẫn dắt bạn đọc bước vào cuộc hành trình dài trên sông Di cùng với những phát hiện, khám phá về con người và cuộc sống. Với vị trí một người kể chuyện dị sự mượn điểm nhìn nhân vật, hình tượng nhân vật người kể chuyện càng gợi ra nhiều vấn đề phong phú xoay quanh câu chuyện, kích thích người đọc tự đi

tim câu trả lời. Điều đó là một trong những yếu tố góp phần tạo nên sức hút của tiểu thuyết *Sông*.

3. KẾT LUẬN

Như vậy, với vai trò quan trọng của mình, người kể chuyện dị sự và người kể chuyện đồng sự trong tiểu thuyết của Nguyễn Ngọc Tư đã dẫn dắt bạn đọc bước vào một phương diện ở thế giới nghệ thuật của nhà văn. Từ đây, chúng ta có thể thấy việc lựa chọn và xây dựng nhân vật người kể chuyện thể hiện được sự đổi mới của nhà văn. Điều đó phù hợp với sự cách tân, biến đổi không ngừng của quy luật nghệ thuật, đặc biệt là trong nhịp chuyển động liên tục và nhanh chóng của văn chương nghệ thuật đương đại. Không chỉ dừng lại ở đó, người kể chuyện đồng sự và dị sự còn được xây dựng với điểm nhìn phù hợp khiến cho người kể chuyện thể hiện được chức năng kể chuyện và tổ chức cấu trúc truyện kể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sử, T. D. (chủ biên). (2018). *Tự sự học – Lí thuyết và ứng dụng*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Tur, N. N. (2012). *Sông*. Nhà xuất bản Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tur, N. N. (2020). *Biên sử nước*. Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.